

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 18 - 02 - 2025

V/v: Ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tơ;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim L, sinh năm: 1981; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1981; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim L và ông Trần Thanh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc. Đến năm 2014, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nhưng vì con cái còn nhỏ nên bà L phải chịu đựng để lo cho gia đình và chăm sóc con cái. Nhưng đến năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Ông P không quan tâm đến công việc gia đình cũng như vợ con. Ông P không phụ giúp bà L trong việc phát triển kinh tế gia đình, ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông P nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh P.

Về con chung: Bà Nguyễn Kim L và ông Trần Thanh P có với nhau 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày: 16/10/2006. Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Kim L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh P trình bày:

Ông Trần Thanh P thừa nhận giữa ông và bà Nguyễn Kim L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận như bà L trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì đáng kể. Thời gian trước đây thì vợ chồng có thường xuyên cãi vã to tiếng, ông có vài lần đánh bà L. Tuy nhiên, khoảng 02 năm gần đây ông đã thay đổi không còn đánh hay cãi nhau với bà L. Vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn. Nguyên nhân chủ yếu xảy ra mâu thuẫn là về vấn đề tiền bạc. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Ông Trần Thanh P thừa nhận giữa ông và bà Nguyễn Kim L có có với nhau 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày: 16/10/2006. Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án lập biên bản xác nhận vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn

chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L: Cho bà Nguyễn Kim L được ly hôn với ông Trần Thanh P. Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Thanh P. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, do bị đơn có nơi cư trú tại Khu phố B, thị trấn T, huyện H nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Thanh P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim L và ông Trần Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 11/2005 ngày 25/3/2005. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà L và ông P đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông P là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L về việc ly hôn với ông Trần Thanh P, Hội đồng xét xử thấy: Bà L yêu cầu ly hôn với ông P vì cho rằng vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, ông P không quan tâm, chăm lo đến gia đình, con cái, không phụ giúp bà L trong kinh tế cũng như công việc của gia đình. Ông P còn ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình; vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng trước đây có thường xuyên xảy ra cãi vã to tiếng và ông P có đánh bà L. Ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của bà L. Với những chứng cứ trên, có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Kim L và ông Trần Thanh P có với nhau 01 con chung là Trần Gia B, sinh ngày: 16/10/2006. Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2014/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim L được ly hôn với ông Trần Thanh P;

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010979 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Tân. Bà Nguyễn Kim L đã nộp đủ án phí.

6. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Trọng